TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:23/2025/HNGĐ-ST *Ngày 29/9/2025.* *V/v: Ly hôn*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Bùi Thị Mai Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Bùi Văn Mến** và bà **Bùi Thị Quỳnh**

- Thư ký phiên toà: Bà **Bùi Hồng Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà **Bùi Thanh Lương** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 23/2025/HNGĐ-ST ngày 16/07/2025 về việc *" Ly hôn "* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Tiến D**, sinh năm 1983. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*

ĐKHKTT: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn : Chị **Lô Thu H**, sinh năm 1984. *Vắng mặt không lý do.*

ĐKHKTT: Xóm M, xã D, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Tiến D trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân* : Anh và chị Lô Thu H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/4/2018 tại UBND xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình (xã D, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện có được tự do tìm hiểu. Sau khi cưới anh nhập khẩu về chung sống cùng chị H tại xã M. Cuộc sống chung của hai vợ chồng diễn ra bình thường đến khoảng đầu năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung, chị H hay đánh mắng con riêng của anh khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hơn nữa anh và chị H đã kết hôn 6 năm rồi nhưng vẫn chưa có con chung mặc dù cũng đã chạy chữa rất tốn kém. Anh đã bỏ về Thanh Hóa sống từ năm 2023 đến nay, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó, mỗi người một nơi không ai quan tâm ai. Hiện nay chị H đang đi làm ăn xa ở Hà Nội, anh không biết cụ thể làm gì ở đâu, anh có liên lạc qua điện thoại trao đổi với chị H về việc nộp đơn xin ly hôn ra Tòa nhưng chị H nói là tùy anh tự giải quyết và cũng không có biện pháp gì để hàn gắn níu kéo tình cảm vợ chồng. Nay anh xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

- *Về con chung* : Không có

- *Về tài sản chung và công sức đóng góp*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung* : Không có.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lô Thu H vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn dù đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi cư trú của các đương sự, kết quả xác minh : Chị Lô Thu H sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm M, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm M, xã D, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, anh D chuyển khẩu về sinh sống tại địa phương cùng chị H ở xóm M. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nên anh D đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống tại Thanh Hóa từ năm 2023 đến nay. Hai bên gia đình cũng đã khuyên bảo và hòa giải mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hiện nay chị H đi làm ăn xa, thi thoảng mới về thăm nhà, không rõ địa chỉ cụ thể. Gia đình và chính quyền địa phương đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo cho chị H biết, tuy nhiên chị H có thông tin lại do công việc bận nên chị không thu xếp thời gian đến Tòa làm việc được mà tùy anh D tự giải quyết việc ly hôn.

Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên phải đưa ra xét xử.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử. Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật

Về nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ : Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Tiến D.

- *Về con chung* : Không có.

- *Về tài sản chung, công sức đóng góp* : Không yêu cầu giải quyết.

- *Công nợ chung* : Không có

Đương sự có quyền kháng cáo và phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng : Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong Hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc

" Ly hôn ". Bị đơn có đăng ký HKTT tại xóm M, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình (nay là xóm M, xã D, tỉnh Phú Thọ). Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Phú Thọ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. *Nội dung vụ án* :

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Tiến D và chị Lô Thu H khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình (Nay là xã D, tỉnh Phú Thọ) vào ngày 27/4/2018. Do vậy hôn nhân giữa anh D và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bình thường cho đến khoảng đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường cãi nhau lại không có con chung nên tình cảm không gắn bó. Năm 2023 anh D đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống tại tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng cũng sống ly thân kể từ đó, không ai quan tâm đến ai.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị H là có thật, đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Hơn nữa, chị H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa làm việc để trình bày tâm tư nguyện vọng của mình và cũng không có biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ chị H cũng không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D để giải phóng cho anh và sớm ổn định cuộc sống riêng sau khi ly hôn.

- *Về con chung* : Không có.

- *Về tài sản chung và công sức đóng góp* : Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- *Về công nợ chung* : Không có.

[3]. Về án phí : Anh Lê Tiến D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Tiến D, cho anh Lê Tiến D được ly hôn chị Lô Thu H.

- *Về con chung* : Không có.

- *Về tài sản chung và công sức đóng góp* : Không yêu cầu giải quyết.

- *Về công nợ chung* : Không có.

2. Về án phí : Anh Lê Tiến D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được đối trừ vào 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000415 ngày 16/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú thọ;
- VKSND Khu vực 13 - Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Mai Linh